TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2025/QĐST-DS	*Quảng Ninh, ngày 23 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 155, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số: 85/2025/QH15, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 293, Điều 299, Điều 303, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100 và khoản 2 Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 7 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 54/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1); địa chỉ: tòa nhà V, số H L, phường L (nay là phường Đ), thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Đỗ Hoàng L, chức danh: Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý;

Người nhận ủy quyền lại: ông Nguyễn Mạnh H, là Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: tầng A Tòa nhà V, số I D, phường D, quận C (nay là phường C), thành phố Hà Nội.

- Công ty cổ phần M; địa chỉ: tầng A, tòa nhà V, số I D, phường D, quận C

(nay là phường C), thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Bùi Công T, chức danh: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Cao Duy T1, là Trưởng phòng Xử lý nợ miền B;

Người nhận ủy quyền lại: ông Nguyễn Đăng L1, là Trưởng bộ phận Xử lý nợ; ông Đinh Ngọc T2, là Chuyên viên Xử ký nợ; bà Nguyễn Thị Minh T3, là Chuyên viên Xử lý nợ; ông Dương Kim C, là Chuyên viên Xử lý nợ; đều có địa chỉ tại: tầng A, tòa nhà V, số I D, phường D, quận C (nay là phường C), thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: chị Phan Thị C1, sinh năm 1997 và anh Lữ Trung K, sinh năm 1997; đều cư trú tại: tổ C, khu E, phường H, thành phố H (nay là phường C), tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về số tiền phải trả: theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2308310150271, ngày 07/9/2023, Khế ước nhận nợ ngày 07/9/2023, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Chị Phan Thị C1, anh Lữ Trung K; Hợp đồng mua bán nợ số 08/2024/VPB-MARS ngày 30/9/2024, Phụ lục 01 Hợp đồng mua bán nợ số 08/2024/VPB-MARS mã số: PL01.4/HĐ08 ngày 30/9/2024 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty cổ phần M thì chị Phan Thị C1 và anh Lữ Trung K phải có nghĩa vụ trả nợ như sau:

- Chị Phan Thị C1 và anh Lữ Trung K phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (tạm tính đến hết ngày 15/7/2025) số tiền là 25.789.489 (hai mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm tám mươi chín) đồng; bao gồm: nợ gốc là 20.240.000 (hai mươi triệu, hai trăm bốn mươi nghìn) đồng, lãi trong hạn là 1.707.978 (một triệu, bảy trăm linh bảy nghìn, chín trăm bảy mươi tám) đồng, lãi quá hạn là 3.656.674 (ba triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy mươi tư) đồng, lãi chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 184.837 (một trăm trăm mươi tư nghìn, tám trăm ba mươi bảy) đồng.

- Chị Phan Thị C1 và anh Lữ Trung K phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Công ty cổ phần M (tạm tính đến hết ngày 15/7/2025) số tiền là 232.105.407 (hai trăm ba mươi hai triệu, một trăm linh năm nghìn, bốn trăm linh bảy) đồng; bao gồm: nợ gốc là 182.160.000 (một trăm tám mươi hai triệu, một trăm sáu mươi nghìn) đồng, lãi trong hạn là 15.371.809 (mười lăm triệu, ba trăm bảy mươi mốt nghìn, tám trăm linh chín) đồng, lãi quá hạn là 32.910.074 (ba mươi hai triệu, chín trăm mười nghìn, không trăm bảy mươi tư) đồng, lãi chậm trả (tính trên nợ lãi trong hạn) là 1.663.524 (một triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm hai mươi tư) đồng.

2.2 Về thời hạn trả nợ:

Chị Phan Thị C1 và anh Lữ Trung K phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V (tạm tính đến hết ngày 15/7/2025) số tiền là 25.789.489 (hai mươi lăm

triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm tám mươi chín) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/7/2025, chậm nhất là ngày 25/7/2025.

Chị Phan Thị C1 và anh Lữ Trung K phải trả cho Công ty cổ phần M (tạm tính đến hết ngày 15/7/2025) số tiền là 232.105.407 (hai trăm ba mươi hai triệu, một trăm linh năm nghìn, bốn trăm linh bảy) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/7/2025, chậm nhất là ngày 25/7/2025.

2.3 Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập Biên bản hòa giải thành (ngày 15/7/025) cho đến khi thi hành án xong, chị Phan Thị C1 và anh Lữ Trung K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2308310150271 ngày 07/9/2023, Khế ước nhận nợ ngày 07/9/2023, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh T4 và anh Lữ Trung K và chị Phan Thị C1 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4 Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà chị Phan Thị C1 và anh Lữ Trung K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần M theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.5 Trường hợp đến hạn mà chị Phan Thị C1 và anh Lữ Trung K không trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ số tiền số tiền là: 25.789.489 (hai mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm tám mươi chín) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/7/2025 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V; số tiền là: 232.105.407 (hai trăm ba mươi hai triệu, một trăm linh năm nghìn, bốn trăm linh bảy) đồng và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/7/2025 cho Công ty cổ phần M, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng 585,6m^2 đất, thuộc thửa đất số 77, tờ bản đồ số 105; địa chỉ: thôn Đ, xã S, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là thôn Đ, phường H, tỉnh Quảng Ninh); theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 540234, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH80640, do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 10/7/2023 người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản: anh Lữ Trung K, chị Phan Thị C1; (theo hợp đồng thế chấp số LN2306059361984, ngày 25/7/2023, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V – Chi nhánh Q và chị Phan Thị C1, anh Lữ Trung K).

2.6 Trong trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần M thì chị Phan Thị C1 và anh Lữ Trung K phải có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V, Công ty cổ phần M.

2.7. Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ): Công ty cổ phần M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (đã nộp đủ) và không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.8 Về án phí dân sự sơ thẩm và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Bị đơn chị Phan Thị C1 và anh Lữ Trung K tự nguyện chịu toàn bộ án phí, số tiền là: 6.447.372 (sáu triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi hai) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 952.000 (chín trăm năm mươi hai nghìn) đồng, tạm ứng án phí Ngân hàng Thương mại cổ phần V đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0001735 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ninh).

Trả lại cho Công ty cổ phần M số tiền 5.060.000 (năm triệu, không trăm sáu mươi nghìn) đồng, tạm ứng án phí Công ty cổ phần M đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0001733 ngày 26/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Quảng Ninh).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh QN;
- Đương sự;
- Người đại diện theo UQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Ngọc An